

Bản án số: 31/2024/DS - ST

Ngày: 23/9/2024

V/v: Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT – TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hồng và bà Phạm Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thê - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại Phòng xử án TAND huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 76/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023 về “*Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn S - Chấp hành viên chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk N - có mặt.

Địa chỉ: Đường Ngô Q, thị trấn Ea T, huyện Cư J, tỉnh Đắk N.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị H - có mặt.

Địa chỉ: Thôn 03, xã Nam D, huyện Cư J, tỉnh Đắk N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Trần Văn C, sinh năm 1968 - có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 03, xã Nam D, huyện Cư J, tỉnh Đắk N

2/ Ông Trần Văn N, sinh năm 1993 - có đơn xin xét xử vắng mặt

HKTT và chỗ ở: 43/2 hẻm 229 Tân Kỳ Tân Q, phường Tân Sơn N, quận Tân P, thành phố Hồ Chí M.

3/ Ông Trần Văn B, sinh năm 1999 - có đơn xin xét xử vắng mặt

HKTT: Thôn 03, xã Nam D, huyện Cư J, tỉnh Đắk N

Chỗ ở: 406/1 Chiến L, phường Bình Trị Đông A, quận Bình T, thành phố Hồ Chí M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Văn S - Chấp hành viên chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk N trình bày:

Chấp hành viên chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút đang tổ chức thi hành các Quyết định, bản án sau:

- Quyết định số 04/2014/QĐST-DS ngày 06/02/2014 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút;

- Quyết định số 03/2014/QĐST-DS ngày 25/01/2014 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút;

- Bản án số 18/2018/DSST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút;

- Bản án số 35/2015/ DSPT ngày 15/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;

Bản án số 14/2015/ DSST ngày 25/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút;

- Bản án số 36/2014/ DSPT ngày 26/6/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;

Bản án số 03/2014/ DSST ngày 15/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút.

Theo nội dung của các Bản án và Quyết định trên thì bà Phạm Thị H, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn 03, xã Nam D, huyện Cư J, tỉnh Đắk N phải thi hành các khoản:

- Trả nợ cho bà Phạm Thị H; địa chỉ: Thôn 10, xã Nam D, huyện Cư J, tỉnh Đắk N số tiền 210.000.000 (Hai trăm mười triệu) đồng + Lãi suất chậm thi hành án.

- Trả nợ cho ông Hoàng Văn K; địa chỉ: Thôn 08, xã Cư K, huyện Cư J, tỉnh Đắk N số tiền 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng + Lãi suất chậm thi hành án.

- Trả nợ cho bà Đậu Thị M; địa chỉ: Thôn Trung T, xã Nam D, huyện Cư J, tỉnh Đắk N số tiền còn phải thi hành án là 34.249.000 (Ba mươi tư triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn) đồng + Lãi suất chậm thi hành án.

- Nộp án phí dân sự sơ thẩm với tổng số tiền 15.854.500 (Mười lăm triệu tám trăm năm mươi tư nghìn năm trăm) đồng.

Quá trình tổ chức thi hành án, Chấp hành viên chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút xác minh được bà Phạm Thị H được cấp chung quyền sử dụng đất sau

Thửa đất số 1E (được đánh lại số thửa là 532, tờ bản đồ số 09, diện tích 550m², trong đó có 400 m² đất ở và 150 m² đất màu, đất tọa lạc tại thôn 03, xã Nam D, huyện Cư J, tỉnh Đắk N, đất được cấp cho hộ ông Trần Văn C, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 007035, được UBND huyện Cư Jút cấp ngày 01/12/2004, đất tọa lạc tại : Thôn 03, xã Nam D, huyện Cư J, tỉnh Đắk N và các tài sản gắn liền trên đất.

Do chưa xác định được quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án, Chấp hành viên đã thông báo cho người được thi hành án, người phải thi hành án và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết để tự thỏa thuận hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự theo Điều 74 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) nhưng các đương sự vẫn không thực hiện

Căn cứ khoản 1 Điều 74, điểm c khoản 3 Điều 170 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), Chấp hành viên chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xác định phần quyền sở hữu tài sản,

phần quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị H trong khối tài sản chung nêu trên theo thủ tục tố tụng dân sự.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Trước đây bà có nợ của bà Phạm Thị H, ông Hoàng Văn K và bà Đậu Thị Mai H theo các bản án và quyết định sau:

- Quyết định số 04/2014/QĐST-DS ngày 06/02/2014 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút.

- Quyết định số 03/2014/QĐĐSTDS ngày 25/01/2014 Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông;

- Bản án số 18/2018/DSST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện, Cư Jút tỉnh Đắk Nông;

- Bản án số 35/2015/DSPT ngày 15/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông; Bản án số 14/2015/DSST ngày 25/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút;

- Bản án số 36/2014/DSPT ngày 26/6/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông; Bản án số 03/2014/DSST ngày 15/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút;

Theo nội dung của các Bản án và Quyết định trên thì tôi (Phạm Thị H) phải thi hành các khoản:

- Trả nợ cho bà Phạm Thị H; địa chỉ: Thôn 10, xã Nam D, huyện Cư J, tỉnh Đắk N số tiền 210.000.000 (Hai trăm mười triệu) đồng + Lãi suất chậm thi hành án.

- Trả nợ cho ông Hoàng Văn K; địa chỉ: Thôn 08, xã Cư K, huyện Cư J, tỉnh Đắk N số tiền 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng + Lãi suất chậm thi hành án.

- Trả nợ cho bà Đậu Thị Mai H; địa chỉ: Thôn Trung T, xã Nam D, huyện Cư J, tỉnh Đắk N số tiền còn phải thi hành là 34.249.000 (Ba mươi tư triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn) đồng + lãi suất chậm thi hành án.

- Nộp án phí dân sự sơ thẩm với tổng số tiền 15.854.500 (Mười lăm triệu tám trăm năm mươi tư nghìn năm trăm) đồng.

Bà được cấp chung quyền sở hữu tài sản và quyền sử dụng đất của thửa đất số 1E (được đánh lại số thửa là 532, tờ bản đồ số 09, diện tích 550m², trong đó có 400 m² đất ở và 150 m² đất màu, đất tọa lạc tại thôn 03, xã Nam D, huyện Cư J, tỉnh Đắk N, đất được cấp cho hộ ông Trần Văn C, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 007035, được UBND huyện Cư Jút cấp ngày 01/12/2004, đất tọa lạc tại: Thôn 03, xã Nam D, huyện Cư J, tỉnh Đắk N.

Gia đình bà gồm có 04 người bao gồm: ông Trần Văn C, sinh năm 1968 (là chồng bà), bà là Phạm Thị H, sinh năm 1971 và 02 con trai là Trần Văn N, sinh năm 1993 và Trần Văn B, sinh năm 1999.

Từ trước tới nay bà chỉ có 02 người con là Trần Văn N và Trần Văn B, không có ai tên Trần Văn L, có thể do sai sót trong quá trình kê khai hộ khẩu từ Trần Văn N thành Trần Văn L.

Khi mua thửa đất số 1E lúc đó Trần Văn N được 11 tuổi, Trần Văn B được 5 tuổi tuy nhiên tiền mua đất là do ba mẹ của ông C ngoài quê Hải H, Nam Đ bán đất cho con và cháu (N và B) để mua thửa đất số 1E này. Tới năm 2009 vợ chồng bà xây nhà trên đất lúc đó Trần Văn N 16 tuổi, Trần Văn B 10 tuổi, các con của bà là N và B đã phụ giúp khuôn vát, lái xe chở đất cát để ba mẹ xây nhà.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà có ý kiến như sau: Đồng ý thửa đất số 1E (được đánh lại số thửa là 532, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại thôn 03, xã Nam D, huyện Cư J, tỉnh Đắk N, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 007035, được UBND huyện Cư Jút cấp ngày 01/12/2004 là cấp cho hộ gia đình ông Trần Văn C, đề nghị chia khối tài sản chung thành 04 phần, chia đều cho 04 thành viên trong hộ gia đình, trong đó bà Phạm Thị H hưởng $\frac{1}{4}$, ông Trần Văn C hưởng $\frac{1}{4}$, Trần Văn N được hưởng $\frac{1}{4}$; Trần Văn B hưởng $\frac{1}{4}$ tổng giá trị khối tài sản.

Bà đồng ý với kết quả định giá và không yêu cầu định giá lại.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N trình bày:

Năm 2004 gia đình ông có mua thửa đất số 1E (được đánh số thửa là 532, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại Thôn 03, xã Nam D, huyện Cư J, tỉnh Đắk N cấp cho hộ ông Trần Văn C, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 007035, được UBND huyện Cư Jút cấp ngày 01/12/2004). Tại thời điểm trên gia đình ông đã sử dụng một phần tiền của cá nhân ông đóng góp để mua thửa đất này - phần tiền này có được là do ông, bà nội ở quê cho ông theo diện cháu trai thừa kế.

Năm 2010, sau thời gian làm việc và tích góp của cả nhà, gia đình ông đã xây căn nhà trên thửa đất số 532, tờ bản đồ số 09, tọa lạc Thôn 03, xã Nam D, huyện Cư J, tỉnh Đắk N được cấp cho hộ ông Trần Văn C. Do điều kiện gia đình nghề nghiệp chính là làm nông, ông cũng đã cùng lao động, làm việc và giúp sức tích cực cho gia đình ông. Tại thời điểm này, việc xây dựng căn nhà trên cũng có sự đóng góp từ cá nhân ông theo nhiều phương diện khác nhau.

Hiện nay mẹ ông là bà Phạm Thị H đang tham gia vụ án dân sự số 76/2023/TLST-DS của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút. Ông có ý kiến như sau xét thấy cá nhân có nghĩa vụ và quyền lợi, là thành viên đóng góp cùng gia đình tạo nên những tài sản trên, nay ông làm bản tự khai này trình Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xem xét và xác định đúng quyền và nghĩa vụ của ông theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B trình bày:

Năm 2004 gia đình ông có mua thửa đất số 1E (được đánh số thửa là 532, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại Thôn 03, xã Nam D, huyện Cư J, tỉnh Đắk N cấp cho hộ ông Trần Văn C, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 007035, được UBND huyện Cư Jút cấp ngày 01/12/2004).

Năm 2010, sau thời gian làm việc và tích góp của cả nhà, gia đình ông đã xây căn nhà trên thửa đất số 532, tờ bản đồ số 09, tọa lạc Thôn 03, xã Nam D, huyện Cư J, tỉnh Đắk N được cấp cho hộ ông Trần Văn C. Do điều kiện gia đình nghề nghiệp

chính là làm nông, ông cũng đã cùng lao động, làm việc và giúp sức tích cực cho gia đình ông. Tại thời điểm này, việc xây dựng căn nhà trên cũng có sự đóng góp từ cá nhân ông theo nhiều phương diện khác nhau

Hiện nay mẹ ông là bà Phạm Thị H đang tham gia vụ án dân sự số 76/2023/TLST-DS của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút về “*Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự*” do Tòa án nhân dân huyện Cư Jút thụ lý, theo đơn khởi kiện của ông Phạm Văn S – Chấp hành viên chi cục thi hành án dân sự huyện Cư J khởi kiện. Vụ việc này có liên quan trực tiếp đến thửa đất và căn nhà số 532, tờ bản đồ 09, tọa lạc Thôn 03, xã Nam D, huyện Cư J, tỉnh Đắk N – là khối tài sản đồng sở hữu của gia đình ông, do chủ hộ là bố ông, ông Trần Văn C đứng tên sở hữu.

Theo điều 213 Bộ luật dân sự xét thấy cá nhân có nghĩa vụ và quyền lợi, là thành viên đóng góp cùng gia đình tạo nên những tài sản trên, nay ông làm bản tự khai này trình Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xem xét và xác định đúng quyền và nghĩa vụ của ông theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị H trong thửa đất số 1E (được đánh lại số thửa là 532, tờ bản đồ số 09) đất tọa lạc tại thôn 03, xã Nam D, huyện Cư J, tỉnh Đắk N, đất được cấp cho hộ ông Trần Văn C.

* Bị đơn bà Phạm Thị H trình bày như sau: Bà xác định thửa đất số 1E (được đánh lại số thửa là 532, tờ bản đồ số 09) đất tọa lạc tại thôn 03, xã Nam D, huyện Cư J, tỉnh Đắk N là cấp cho hộ gia đình ông Trần Văn C, đề nghị chia khối tài sản chung thành 04 phần, chia đều cho 04 thành viên trong hộ gia đình, mỗi người được hưởng $\frac{1}{4}$ tổng giá trị khối tài sản.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn C, ông Trần Văn N, ông Trần Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

- Về phần tuân theo pháp luật của Thẩm phán và HĐXX: Đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành hòa giải đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi thủ tục, trình tự xét xử theo đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đã hỏi và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Xác định quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1E (được đánh lại số thửa là 532, tờ bản đồ số 09, diện tích 550m² do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 01/12/2004, đất tọa lạc tại Thôn 03, xã Nam D, huyện Cư J, tỉnh

Đất N là tài sản chung của hộ gia đình ông Trần Văn C. Ông Trần Văn C, bà Phạm Thị H, ông Trần Văn N, ông Trần Văn B mỗi người được hưởng ¼ khối tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Về quan hệ pháp luật: Ông Phạm Văn S - Chấp hành viên chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút khởi kiện đề nghị Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị H được hưởng trong khối tài sản chung theo Điều 74 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) đối với thửa đất số 1E (được đánh lại số thửa là 532, tờ bản đồ số 09, diện tích 550m² do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 01/12/2004 đứng tên hộ ông Trần Văn C do đó quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự” theo khoản 1 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Phạm Thị H có hộ khẩu thường trú tại: Thôn 03, xã Nam D, huyện Cư J, tỉnh Đắk N, vì vậy, tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hình thức: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C, ông Trần Văn N, ông Trần Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án

[3] Trong quá trình tổ chức thi hành án, do chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị H trong khối tài sản chung nên Chấp hành viên đã thông báo cho người phải thi hành án và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến tài sản chung để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo nhưng các bên không thỏa thuận được cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Chấp hành viên đã thông báo cho bà Phạm Thị H, ông Hoàng Văn K và bà Đậu Thị Mai H có quyền yêu cầu xác định quyền sở hữu trong thời hạn 15 ngày. Hết thời hạn trên các bên đương sự không tiến hành khởi kiện để xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung nên căn cứ khoản 1 Điều 74, điểm c khoản 3 Điều 170 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), Chấp hành viên chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút đề nộp đơn khởi kiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung:

Về nguồn gốc sử dụng đất: Đối với thửa đất số 1E (được đánh lại số thửa là 532, tờ bản đồ số 09, diện tích 550m² do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 01/12/2004 đứng tên hộ ông Trần Văn C. Theo hồ sơ cấp đất, đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/03/2004, tại phần kê khai chủ sử dụng đất họ tên chủ hộ gia đình ông Trần Văn C, họ tên vợ/chồng (của chủ hộ gia đình cá nhân) Phạm Thị H.

Qua tra cứu tàng thư đội Quản lý hành chính về TTXH Công an huyện Cư Jút thể hiện kết quả như sau:

- Căn cứ vào mẫu NK2B ngày 10/11/1996 thể hiện hộ ông Trần Văn C, sinh năm 1968, gồm có 03 nhân khẩu:

- 1/ Trần Văn C, sinh năm 1968
- 2/ Phạm Thị H, sinh năm 1971
- 3/ Trần Văn L, sinh năm 1993

- Căn cứ vào mẫu NK2B ngày 11/03/2005 thể hiện hộ ông Trần Văn C, sinh năm 1968, gồm có 04 nhân khẩu:

- 1/ Trần Văn C, sinh năm 1968
- 2/ Phạm Thị H, sinh năm 1971
- 3/ Trần Văn L, sinh năm 1993
- 4/ Trần Văn B, sinh năm 1999.

Trong hồ sơ hộ khẩu không có thông tin thể hiện có tên Trần Văn N, sinh năm 1993 vào thời điểm ngày 10/11/1996 và ngày 11/03/2005.

Theo bà H cung cấp bà chỉ có 02 người con là Trần Văn N, sinh năm 1993 và Trần Văn B, sinh năm 1999, ngoài ra bà không có người con nào khác. Theo kết quả xác minh tại Bệnh viện đa khoa quận Tân P, thành phố Hồ Chí M ông Trần Văn N công tác tại Bệnh viện đa khoa quận Tân P từ ngày 01/9/2013 đến ngày 30/4/2023. Hiện nay ông Trần Văn N không còn tham gia công tác tại Khoa y học cổ truyền – vật lý trị liệu thuộc Bệnh viện quận Tân P (đính kèm quyết định nghỉ việc), do đó có thể có sự nhầm lẫn trong lúc kê khai hộ khẩu tên của ông Trần Văn N.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 1E (được đánh lại số thửa là 532, tờ bản đồ số 09) cấp cho hộ ông Trần Văn C vào ngày 01/12/2004. Ông Trần Văn N sinh năm 1993 và ông Trần Văn B sinh năm 1999, cả hai ông đều được sinh ra trước thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 1E nói trên, hai ông đều của bảng tự khai trình bày về công sức đóng góp trong việc tạo lập khối tài sản chung. Không thể xác định được công sức đóng góp của mỗi người trong việc tạo lập khối tài sản chung, do đó căn cứ quy định của pháp luật HĐXX xét thấy cần chia khối tài sản chung thành 04 phần, chia đều cho 04 thành viên trong hộ gia đình, trong đó ông Trần Văn C hưởng $\frac{1}{4}$, bà Phạm Thị H hưởng $\frac{1}{4}$, ông Trần Văn N hưởng $\frac{1}{4}$, ông Trần Văn B hưởng $\frac{1}{4}$ tổng giá trị khối tài sản là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản trên đất

- 01 nhà xây cấp 4, móng xây đá học, tường xây gạch 20 cm, có tô trát, bả ma tít và sơn nước, ốp gạch men cao 90 cm, nền gạch men, trần tôn lạnh và thạch cao, mái lợp tôn, diện tích 5,2 m x 18,5 m = 96,2 m². Nhà có 01 phòng khách, 02 phòng ngủ, 01 khu bếp. Liên với nhà bếp có 01 nhà tắm diện tích 6,65 m², 01 bể nước diện tích 8,064 m², 01 chuồng heo diện tích 41,24m²

- 01 nhà kho (cạnh liền nhà chính) móng xây đá học, tường xây gạch 10 cm, có tô trát và sơn nước, nền xi măng, mái lợp tôn, không trần diện tích 68,15 m²

- 01 giếng khoan sâu khoảng 47 m; 01 giếng đào sâu 9 m.

- Cổng hàng rào phía trước : Cổng rộng 3,3 m, cao 1,6 m bằng sắt, trụ gạch.

Theo chứng thư thẩm định giá tài sản của Công ty cổ phần Thẩm định giá Trung Hải Ban M thì quyền sử dụng đất có giá trị là 1.280.800.000 đồng, giá trị tài sản trên đất có giá là 374.691.000 đồng. Tổng cộng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 1.655.491.000 đồng.

[6] Xét quan điểm của Viện kiểm sát huyện Cư Jút là phù hợp nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Phạm Thị H phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản bà H được hưởng $\frac{1}{4}$ tài sản là 413.872.750 đồng tương ứng án phí là 20.554.910 đồng.

[8] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 4.300.000 đồng; chi phí trích lục hồ sơ 300.000 đồng, chi phí thẩm định, định giá 8.000.000 đồng. Tổng cộng là 12.600.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bà H phải nộp số tiền trên. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền nêu trên nên bà Hường có nghĩa vụ thanh toán cho bên nguyên đơn toàn bộ số tiền 12.600.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 12 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 212 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn S - Chấp hành viên chi cục thi hành án dân sự huyện Cư J, tỉnh Đắk N.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1E (được đánh lại số thửa là 532, tờ bản đồ số 09, diện tích 550m² do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 01/12/2004, đất tọa lạc tại Thôn 03, xã Nam D, huyện Cư J, tỉnh Đắk N là tài sản chung của hộ gia đình ông Trần Văn C. Bà Phạm Thị H, ông Trần Văn C, ông Trần Văn N, ông Trần Văn B mỗi người được sở hữu, sử dụng $\frac{1}{4}$ khối tài sản chung.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.554.910 (Hai mươi triệu năm trăm năm mươi tư nghìn chín trăm mười) đồng.

- Ông Phạm Văn S - Chấp hành viên chi cục thi hành án dân sự huyện Cư J, tỉnh Đắk N thuộc trường hợp không phải nộp tạm ứng án phí.

[3] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 4.300.000 đồng; chi phí trích lục hồ sơ 300.000 đồng, chi phí thẩm định, định giá 8.000.000 đồng. Tổng cộng là 12.600.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bà H phải nộp số tiền trên. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền nêu trên nên bà Phạm Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Văn S - Chấp hành viên chi cục thi hành án dân sự huyện Cư J, tỉnh Đắk N toàn bộ số tiền 12.600.000 (Mười hai triệu sáu trăm nghìn) đồng.

[4] Quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- CCTHADS Huyện Cư Jút;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

